



**BẢNG TÍNH ĐỊNH LƯỢNG KHẨU PHẦN ĂN**

Ngày 27 tháng 09 năm 2024

\* Tổng số suất ăn: 319

- 3 tuổi: 60

- Cháo:

Trong đó: + Mẫu giáo: 279

- 4 tuổi: 107

+ Nhà trẻ: 40 - Cơm nát:

- 5 tuổi: 112

- Cơm thường: 40

S T T	TÊN THỰC PHẨM	Số lượng (kg)		Quy đổi (kg)		Chất dinh dưỡng (g)										Calo	
		MG	NT	MG	NT	P				L				G		MG	NT
						ĐV		TV		ĐV		TV		MG	NT		
1	Sữa bột toàn phần	4,06	0,54	4,06	0,54	1.096,2	145,8			1.055,6	140,4			1.542,8	205,2	20.056,4	2.667,6
2	Gạo tẻ máy	20,90	1,90	20,90	1,90			1.651,1	150,1			209,0	19,0	15.863,1	1.442,1	71.896,0	6.536,0
3	Ếch	4,70	0,50	2,35	0,25	470,0	50,0			25,9	2,8					2.115,0	225,0
4	Thịt lợn mỡ	6,70	0,60	6,57	0,59	952,1	85,3			2.449,1	219,3					25.870,0	2.316,7
5	Chuối xanh	2,20	0,20	1,50	0,14			18,0	1,6			7,5	0,7	245,3	22,3	1.107,0	100,6
6	Đậu phụ	2,70	0,30	2,70	0,30			294,3	32,7			145,8	16,2	18,9	2,1	2.565,0	285,0
7	Cà rốt	1,80	0,20	1,61	0,18			24,2	2,7			3,2	0,4	125,7	14,0	628,3	69,8
8	Cà chua	1,85	0,15	1,76	0,14			10,5	0,9			3,5	0,3	70,3	5,7	351,5	28,5
9	Thịt gà ta	1,65	0,25	0,79	0,12	160,8	24,4			103,8	15,7					1.576,1	238,8
10	Khoai tây	4,00	0,50	3,48	0,44			69,6	8,7			3,5	0,4	727,3	90,9	3.236,4	404,6
11	Cà rốt	1,70	0,20	1,52	0,18			22,8	2,7			3,0	0,4	118,7	14,0	593,4	69,8
12	Nấm hương khô	0,09	0,01	0,08	0,01			29,2	3,2			3,2	0,4	19,0	2,1	221,9	24,7
13	Quả dứa	0,45	0,05	0,29	0,03			2,3	0,3					11,2	1,2	54,7	6,1
14	Tía tô	0,09	0,01	0,07	0,01			2,1	0,2					2,4	0,3	18,0	2,0
15	Hành lá (hành hoa)	0,18	0,02	0,14	0,02			1,9	0,2					6,2	0,7	31,7	3,5
16	Rau mùi	0,09	0,01	0,08	0,01			2,0	0,2			0,4	0,0	0,2	0,0	12,2	1,4
17	Dầu đậu tương	1,45	0,25	1,45	0,25							1.450,0	250,0			13.050,0	2.250,0
18	Bột canh	0,75	0,07	0,75	0,07												
19	Nước mắm cá	0,18	0,02	0,18	0,02	9,2	1,0			0,0	0,0			6,5	0,7	63,0	7,0
20	Hành củ tươi	0,09	0,01	0,07	0,01			0,9	0,1			0,3	0,0	3,0	0,3	17,8	2,0
21	Dưa vàng	14,20	1,90	7,38	0,99			88,6	11,9			14,8	2,0	169,8	22,7	1.181,4	158,1
22	Gạo tẻ máy	5,60		5,60				442,4				56,0		4.250,4		19.264,0	
23	Gạo nếp cái	0,50		0,50				43,0				7,5		372,5		1.720,0	
24	Đậu xanh (hạt)	0,50		0,49				114,7				11,8		260,2		1.607,2	
25	Thịt gà ta	6,20		2,98		604,1				389,9						5.922,2	
26	Bí ngô	2,00		1,63				4,9				1,6		99,7		441,2	
27	Nấm hương khô	0,10		0,09				32,4				3,6		21,2		246,6	
28	Sữa chua uống(hộp)		3,90		3,90		245,4				144,1			140,2			4.089,8
29	Bánh mì(lát)		1,60		1,60				126,4				12,8	841,6			3.984,0
<b>Cộng</b>						3.292,4	551,8	2.854,8	341,9	4.024,2	522,3	1.924,7	302,5	23.934,4	2.806,2	173.847,2	23.470,9
<b>Bình quân thực tế /1 trẻ</b>						11,8	13,8	10,2	8,5	14,4	13,1	6,9	7,6	85,8	70,2	623,1	586,8
<b>Thấp: MG:P:13%,L:25%,G:52%;NT: P:13%,L:30%,G:</b>						11,7	11,4	7,8	7,6	11,6	13,6	5,0	5,8	78,0	68,8	615,0	600,0
<b>Cao: MG:P:20%,L:35%,G:60%;NT: P:20%,L:40%,G:5</b>						21,3	19,1	14,2	12,7	19,1	19,6	8,2	8,4	106,2	79,4	726,0	651,0

**Quyết toán trong ngày**

- Tiêu chuẩn được chi: 7.337.000 đ  
- Hôm trước mang sang: 1.607 đ  
- Đã chi: 7.347.410 đ  
- Thừa:  
- Thiếu: 10.410 đ  
- Lũy kế: -8.803

**Thực đơn**

\* **Bữa sáng:** - Cơm, trứng vịt thịt lợn đảo bông  
- Canh rau mồng tơi mướp nấu  
\* **Bữa chiều:** - MG: Sữa chua bánh mì  
- NT: Phở gà  
\* **Ăn giữa giờ:** - Sữa bột shizu